

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5283 /BNN-KTHT

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2018

V/v xây dựng Đề án chuyển đổi ngành nghề và tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 816/QĐ-BNN-KH ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP, trong đó có xây dựng "Đề án chuyển đổi ngành nghề và tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long".

Để có cơ sở xây dựng Đề án, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội đánh giá thực trạng chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn ở địa phương và đề xuất cơ chế chính sách, giải pháp thực hiện trong thời gian tới (theo đề cương gửi kèm).

Báo cáo gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn) trước ngày 30 tháng 7 năm 2018 để tổng hợp xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ phê duyệt./.

(Chi tiết xin liên hệ Đ/c Tạ Hữu Nghĩa, Trưởng phòng Giảm nghèo và An sinh xã hội nông thôn, ĐT 0912.554.806, Email: nghiaktht@gmail.com).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ LĐTBXH (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTHT.

KT. BỘ TRƯỞNG

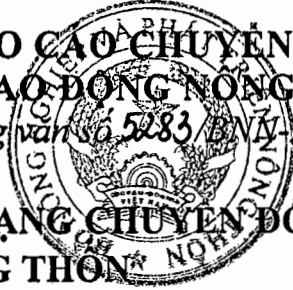
THỦ TRƯỞNG



Trần Thanh Nam

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỔI NGHỀ VÀ TẠO VIỆC LÀM
CHO LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN**

(Kèm theo Công văn số 5233/BNV-KTHT ngày 13 tháng 7 năm 2018)



**I. THỰC TRẠNG CHUYÊN ĐỔI NGHỀ VÀ TẠO VIỆC LÀM CHO
LAO ĐỘNG NÔNG THÔN**

**1. Tình hình lao động, việc làm của lao động nông nghiệp nông thôn
giai đoạn 2015-2017**

- a) Thực trạng lao động nông nghiệp, nông thôn (theo phụ lục 1)
- b) Tình hình việc làm, thu nhập của lao động nông nghiệp, nông thôn
 - Việc làm: Số ngày làm việc bình quân /tháng; số ngày nông nhàn/năm...
 - Thu nhập bình quân /01 lao động ở các ngành nghề.

**2. Thực trạng chuyển đổi nghề của lao động nông nghiệp, nông thôn
giai đoạn 2015 - 2017**

- a) Chuyển đổi nghề từ lao động nông nghiệp sang các ngành nghề khác
 - Chuyển đổi tại chỗ sang làm ngành nghề, dịch vụ;
 - Chuyển đổi ra khu công nghiệp, thành phố làm việc, xuất khẩu lao động.
- b) Chuyển đổi trong nội bộ ngành nông nghiệp khi thực hiện tái cơ cấu
 - Chuyển đổi từ ngành trồng trọt sang chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;
 - Chuyển đổi từ tự sản xuất sang làm cho doanh nghiệp.

**3. Các cơ chế chính sách chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho lao
động nông nghiệp, nông thôn**

- a) Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2015-2017
 - Đào tạo nghề phi nông nghiệp;
 - Đào tạo nghề nông nghiệp.
- b) Hỗ trợ tạo việc làm sau đào tạo nghề
 - Cho vay vốn;
 - Hỗ trợ khác....
- c) Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và HTX để tạo việc làm
 - Chính sách hỗ trợ;
 - Số Doanh nghiệp, HTX đã tạo thêm việc làm cho lao động
 - Số lao động đã được tạo việc làm mới

**4. Khó khăn vướng mắc trong chuyển đổi nghề tạo việc làm cho lao
động nông nghiệp, nông thôn**

- Về cơ chế chính sách
- Về tổ chức thực hiện

**II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHUYÊN ĐỔI NGHỀ VÀ TẠO
VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THỜI
GIAN TỚI**

1. Định hướng tạo việc làm, chuyển đổi nghề đã được đưa vào các văn kiện Nghị quyết của cấp ủy Đảng và HĐND các cấp

2. Giải pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn của địa phương

3. Giải pháp để tạo việc làm, chuyển đổi nghề

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp
- Phát triển mỗi làng một sản phẩm (ocop);
- Phát triển dịch vụ;
- Xuất khẩu lao động;
- Đào tạo nghề.....

III. NHỮNG ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

- Về cơ chế chính sách
- Về tổ chức thực hiện

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Phụ lục 1
SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN
TỈNH.....

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
			Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)
I	Tổng số lao động ở khu vực nông thôn							
1	Lao động nông nghiệp							
2	Lao động dịch vụ							
3	Lao động ở các ngành nghề phi nông nghiệp							
II	Tổng số lao động nông nghiệp ở khu vực nông thôn							
1	Ngành trồng trọt							
2	Ngành chăn nuôi							
3	Ngành thủy sản							
4	Ngành lâm nghiệp							
5	Ngành diêm nghiệp							
6	Ngành chế biến, bảo quản							
7	Ngành dịch vụ nông nghiệp							